

Số: 2181/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 22 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quyết toán và bổ sung kinh phí cho các địa phương để  
chi hỗ trợ người dân, người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 24/7/2021 của UBND tỉnh về hỗ trợ người lao động không giao kết hợp đồng lao động, một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và hỗ trợ chi phí có liên quan cho các đối tượng cách ly tập trung theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 401/TTr-STC ngày 16/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Phê duyệt quyết toán và bổ sung kinh phí thực hiện chi hỗ trợ người dân, người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh trong năm 2021, cụ thể:

a) Tổng kinh phí quyết toán năm 2021: 110.481.795.000 đồng (*Một trăm mười tỷ bốn trăm tám mươi một triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng*).

b) Cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, tổng số tiền: 19.915.680.000 đồng (*Mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng*), từ nguồn dự phòng trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, để

bổ sung nguồn thực hiện chi hỗ trợ người dân, người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh trong năm 2021.

*(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)*

2. Cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố, tổng số tiền: 2.689.988.000 đồng *(Hai tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu, chín trăm tám mươi tám ngàn đồng)*, từ nguồn dự phòng trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022, để hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ đã phê duyệt hỗ trợ trong năm 2021, thực hiện chi trả trong năm 2022.

*(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm về danh sách đối tượng được phê duyệt, cân đối nguồn dự phòng ngân sách (cấp huyện, cấp xã) và nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ để thực hiện hỗ trợ cho người lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện theo đúng quy định và phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, hướng dẫn thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu VT, KGVX, TH, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**





**Phụ lục 2**

**HÍ HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 N**  
(Kèm theo Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: Ngàn đồng

ST T	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Kinh phí thực hiện NQ 68 năm 2022	50% nguồn dự phòng NS huyện, xã năm 2022 chi thực hiện NQ68	Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh cấp năm 2021 còn thừa	Tổng kinh phí thiếu cấp bổ sung	Kinh phí thừa tiếp tục chi trả chế độ theo NQ 45
A	B	1	2	3	4	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.259.663</b>	<b>30.337.565</b>	<b>4.199.495</b>	<b>2.689.988</b>	<b>2.967.385</b>
1	Nam Trà My	-	-	2.300		2.300
2	Duy Xuyên	3.904.720	3.904.720	-	-	-
3	Quế Sơn	-	-	392.160		392.160
4	Núi Thành	8.539.800	6.521.000	1.232.110	786.690	
5	Tam Kỳ	6.455.820	6.455.820	-	-	-
6	Tiên Phước	-	-	492.070	-	492.070
7	Điện Bàn	3.672.945	3.672.945	0	-	-
8	Hiệp Đức	-	-	0	-	-
9	Nông Sơn	-	-	32.500	-	32.500
10	Bắc Trà My	-	-	560	-	560
11	Thăng Bình	-	-	1.516.715	-	1.516.715
12	Hội An	1.918.040	1.918.040	-	-	-
13	Phước Sơn	-	-	-	-	-
14	Phú Ninh	2.033.040	2.033.040	2.000	-	2.000
15	Đại Lộc	7.735.298	5.832.000	-	1.903.298	-
16	Nam Giang	-	-	523.080		523.080
17	Đông Giang	-	-	6.000		6.000
18	Tây Giang	-	-	-	-	-